TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2023
V/v xin ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quốc Phong.

Ông Đỗ Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2023/QĐXXST-HN ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1986 (xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà với ông Ngô Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 23/02/2010, sau khi kết hôn chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T không chung thủy, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã làm cho đời sống vợ chồng mất hạnh phúc và ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2021 cho đến nay, nay bà xét thấy tình cảm không còn thương nhau nên xin ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống bà với ông T có 01 người con chung tên Ngô Huyền N, sinh ngày 04/01/2011, hiện nay cháu N đang sống chung với ông T. Nên khi ly hôn bà đồng ý giao cháu N cho ông T nuôi con chung theo nguyện vọng của con, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đối với bị đơn ông Ngô Văn T, thì ông T trình bày: Ông thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống chung, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà Nguyễn Thị H khai là đúng. Nay bà H xin ly hôn với ông, ông có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà H, xin đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm sóc con chung.

- Về con chung: Ông với bà H có 01 người con chung tên Ngô Huyền N, sinh ngày 04/01/2011, hiện nay cháu N đang sống chung với ông. Nên khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Ngô Huyền N: Cháu là con của ông T với bà H, hiện tại cháu đang sống chung với ông T. Sau khi ba mẹ ly hôn, thì cháu có nguyện vọng sống chung với ông T.

Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đồng thời, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn thì không chấp hành theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn và ông Ngô Văn T là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Văn T.

[2] Về quan hệ tranh chấp, bà Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Ngô Văn T nên vụ án được thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Ngô Văn T là bị đơn trong vụ án đang cư trú tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà Nguyễn Thị H với ông Ngô Văn T kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn T, vì bà cho rằng trong quá trình chung sống ông T không chung thủy nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên từ khoảng tháng 9 năm 2021 bà với ông T đã ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn thương nhau, không có khả năng hòa hợp sống hạnh phúc, nên bà xin ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông T được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, coi như ông T không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặt khác, từ khi bà H gửi đơn xin ly hôn với ông T cho đến nay, hai bên không tạo điều kiện để hai người có thời gian tâm đắc cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục những mâu thuẫn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình chứng tỏ hai người không còn thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, qua xác minh gia đình của ông T, thì gia đình cho biết vợ chồng ông T với bà H thường xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân không còn sống chung, gia đình cũng có tìm cách khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H với ông T được ly hôn với nhau.

[5] Về con chung: Bà H với ông T có 01 người con chung tên Ngô Huyền N, sinh ngày 04/01/2011, hiện nay cháu N đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao cháu N cho ông T nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con, ông T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với ông T. Xét thấy, ông T yêu cầu được nuôi cháu N, bà H cũng thống nhất với yêu cầu của ông T và cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với ông T nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long thì ông T yêu cầu được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Nên giao cho ông T tiếp tục nuôi 01 người con chung tên Ngô Huyền N, sinh ngày 04/01/2011, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H với ông Ngô Văn T khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Từ các cơ sở phân tích và nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[8] Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Ngô Văn T.

3. Về con chung: Giao cháu Ngô Huyền N, sinh ngày 04/01/2011 cho ông Ngô Văn T được tiếp tục nuôi con chung, bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H với ông Ngô Văn T khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012944 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Hoàng Vân